

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày 30-12-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Diên;

Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2019, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP; trụ sở chính: Toà nhà A, số 57 B, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D; địa chỉ: Xã E, thành phố F, tỉnh Hưng Yên; là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (theo giấy uỷ quyền lại số 072/2018/GUQ-TPB.LC ngày 09/4/2018 của Giám đốc Khối pháp chế và xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần TP); có mặt;

- Bị đơn: Ông TAD và bà LTMH; địa chỉ: Số 9 ngõ 81 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông NLQ1 và bà NLQ2; địa chỉ: Số 9 ngõ 81 G, phường H, quận I, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-8-2018, quan điểm trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ông TAD, bà LTMH vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 03160311 RB/HP-TPB/NH.11 ngày 16-03-2011 và Phụ lục số 01 của Hợp đồng tín dụng số 03160311 RB/HP-TPB/NH.11 ngày 16-03-2011 ký ngày 12-5-2011, cụ thể như sau: Số tiền vay: 1.700.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay: 12 tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 314+315; Tờ bản đồ số: LV-06; mục đích sử dụng: đất ở đô thị; diện tích: 74,59 m²; địa chỉ: Số 150 J, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở: Số tầng: 2,5 tầng, tường gạch, nền đá hoa, mái bê tông; tổng diện tích sử dụng: 186 m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 563755, vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số: H07385/QSDĐ/NQ do UBND quận L, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-4-2009 cho ông M và vợ bà N. Xác nhận thay đổi chủ sở hữu là ông NLQ1, bà NLQ2 do Phòng Tài nguyên môi trường quận L xác nhận ngày 04-3-2010.

Thực hiện thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Phụ lục hợp đồng tín dụng trên ngày 18-3-2011, Ngân hàng đã giải ngân cho ông TAD, bà LTMH số tiền: 1.700.000.000. Lãi suất thời điểm giải ngân là: 21%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông TAD, bà LTMH chưa thanh toán một khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng mà chỉ thanh toán số tiền lãi là: 322.370.494 đồng.

Kể từ tháng 02-2012 ông TAD, bà LTMH không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện, thương lượng cho khách hàng tự nguyện thanh toán nợ. Tuy nhiên đến nay ông TAD, bà LTMH vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông TAD, bà LTMH thanh toán ngay cho Ngân hàng: Tổng số tiền (tạm tính đến ngày 30-12-2019) là: 6.089.460.115 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 1.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 59.808.032 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.329.652.083 đồng và các khoản tiền lãi, tiền phạt tính trên tổng số tiền nêu

trên kể từ ngày 31-12-2019 đến ngày ông TAD, bà LTMH thanh toán hết các nghĩa vụ cho Ngân hàng.

Trong trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông TAD, bà LTMH không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm dưới đây để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông TAD, bà LTMH đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm còn thừa sẽ trả lại cho chủ tài sản, nếu thiếu thì ông TAD, bà LTMH vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông TAD và bà LTMH; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ2 vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như đã nhiều lần triệu tập đương sự đến Tòa án để làm việc nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do và không văn bản thể hiện quan điểm, ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án cũng như không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Theo bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông NLQ1 trình bày:

Ông NLQ1 xác nhận ông và vợ là bà NLQ2 có ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 01120511/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 12-5-2011 với Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay cho các con là LTMH và TAD. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 314+315; Tờ bản đồ số: LV-06; địa chỉ : Số 150 J, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở: Số tầng: 2,5 tầng, tường gạch, nền đá hoa, mái bê tông; tổng diện tích sử dụng: 186 m². Nay Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản trong trường hợp ông TAD bà LTMH không thanh toán được nợ thì ông NLQ1 mong muốn phía Ngân hàng tạo điều kiện để cho gia đình tự bán tài sản. Sau đó gia đình sẽ huy động mọi nguồn lực để thanh toán khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của

Hội đồng xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn giải quyết có bị kéo dài do vụ án có tính chất khó khăn, phức tạp.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 307, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ các điều 122, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 323, 342, 343, 344, khoản 7 Điều 351, khoản 2 Điều 353, 355, 389, 401, 402, 405, 471, 474, 476, 478, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 302, Điều 303, Điều 306 Luật Thương mại; căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông TAD và bà LTMH. Buộc ông TAD và bà LTMH phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-12-2019 là: 6.089.460.115 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 1.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 59.808.032 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.329.652.083 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông TAD và bà LTMH còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông TAD và bà LTMH không thực hiện việc trả toàn bộ khoản tiền nợ nói trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 01120511/HĐTC-BDS/HP.11 ngày 12-5-2011), theo quy định của pháp luật, để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ.

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho ông NLQ1 và bà NLQ2; nếu thiếu thì ông TAD và bà LTMH phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng.

Về án phí sơ thẩm: Trả lại Ngân hàng số tiền đã tạm ứng án phí. Ông TAD và bà LTMH phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận I nên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý giải quyết và xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu: Các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự.

[4] Về hiệu lực của các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa các bên: Các hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự thỏa thuận giữa các bên; hình thức và nội dung của hợp đồng đều phù hợp với quy định tại các điều 122, 124, 318, 319, 342, 343, 344, 389, 401, 402 và 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005; phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy, các hợp đồng trên đều có hiệu lực pháp luật, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trên hợp đồng.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông TAD bà LTMH chưa thanh toán một khoản tiền gốc nào chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là: 322.370.494 đồng. Như vậy, ông TAD và bà LTMH đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và cam kết trong hợp đồng.

Các khoản nợ cụ thể mà Ngân hàng yêu cầu ông TAD và bà LTMH phải trả đều có các tài liệu chứng từ chứng minh. Khoản tiền lãi được tính toán theo đúng thỏa thuận về mức lãi suất giữa các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật. Thời gian chịu lãi được tính chính xác theo hợp đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các điều 280, 281, 290, 471, 474, 476 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều

302, Điều 303, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc Ông TAD và bà LTMH phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-12-2019 là: 6.089.460.115 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc là: 1.700.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 59.808.032 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.329.652.083 đồng.

Ngoài ra Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, ông TAD và bà LTMH tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ theo quy định của pháp luật kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông TAD và bà LTMH thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp ông TAD và bà LTMH không thực hiện việc trả toàn bộ khoản tiền nợ nói trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 351, Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005.

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho ông NLQ1 và bà NLQ2; nếu thiếu thì ông TAD và bà LTMH phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng.

[6] Về yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đối với yêu cầu ông NLQ1 về việc đề Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình tự bán tài sản để trả nợ gốc cho Ngân hàng và miễn các khoản lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án đã tạo điều kiện để các bên tự thỏa thuận trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không thỏa thuận được; tại phiên tòa ông NLQ1 vắng mặt không có lý do để các bên hòa giải thêm hoặc đưa ra ý kiến khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông NLQ1.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng số tiền 56.732.800 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008263 ngày 21-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Ông TAD và bà LTMH phải chịu tiền án phí sơ thẩm là: 114.089.500 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 307, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 122, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 323, 342, 343, 344, khoản 7 Điều 351, khoản 2 Điều 353, 355, 389, 401, 402, 405, 471, 474, 476, 478, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 302, Điều 303 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP đối với ông TAD và bà LTMH:

Buộc ông TAD và bà LTMH phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-12-2019 là: 6.089.460.115 (sáu tỷ không trăm tám mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi nghìn một trăm mười lăm) đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn: 59.808.032 (năm mươi chín triệu tám trăm linh tám nghìn không trăm ba mươi hai) đồng, nợ lãi quá hạn: 4.329.652.083 (bốn tỷ ba trăm hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn không trăm tám mươi ba) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30-12-2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp ông TAD và bà LTMH không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần TP thì Ngân hàng thương mại cổ phần TP có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 01120511/HĐTC-BĐS/HP.11 ngày 12-5-

2011), theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần TP. Tài sản thế chấp được xử lý là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 314+315; Tờ bản đồ số: LV-06; mục đích sử dụng: đất ở đô thị; diện tích: 74,59 m²; địa chỉ: Số 150 J, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng Tài sản gắn liền với đất là nhà ở: Số tầng: 2,5 tầng, tường gạch, nền đá hoa, mái bê tông; tổng diện tích sử dụng: 186 m². Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 563755, vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số: H07385/QSDĐ/NQ do UBND quận L, thành phố Hải Phòng cấp ngày 03-4-2009 cho ông M và vợ bà N. Xác nhận thay đổi chủ sở hữu là ông NLQ1, bà NLQ2 do Phòng Tài nguyên môi trường quận L xác nhận ngày 04-3-2010.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần TP còn thừa thì trả lại cho ông NLQ1, bà NLQ2; nếu thiếu thì ông TAD và bà LTMH phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần TP.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP số tiền 56.732.800 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008263 ngày 21-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng..

Ông TAD và bà LTMH phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 114.089.500 (một trăm mười bốn triệu không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết đối với đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều có quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Trung Dũng